

## Verb + (Object) + To Infinitive trong tiếng Anh

### A. Các động từ được theo sau là To Infinitive hoặc Object + To Infinitive

Dưới đây là một số động từ có thể được theo sau bởi **to + động từ nguyên thể** hoặc được theo sau bởi **tân ngữ + to + động từ nguyên thể**:

want	ask	help	would like	would love
expect	beg	mean (=intend)	would prefer	would hate

- Khi được theo sau bởi **Verb + to**

- We expected to be late. Chúng tôi nghĩ là chúng tôi sẽ trễ. - Would you like to go now? Bạn có muốn đi bây giờ không? - He doesn't want to know. Anh ấy không muốn biết.

- Khi được theo sau bởi **verb+object+to**

- We expected Tom to be late. Chúng tôi nghĩ là Tom sẽ trễ. - Would you like me to go now? Bạn có muốn tôi đi bây giờ không? - He doesn't want anybody to know. Anh ấy không muốn một ai biết hết.

#### Ghi chú

##### 1. Bạn cần thận khi sử dụng động từ **want**. KHÔNG nói **want that**

- Do you want me to come with you? (KHÔNG nói 'Do you want that I come') Anh có muốn đến với em không?

##### 2. Sau động từ **help**, bạn có thể sử dụng động từ nguyên thể có hay không có **to** đều được.

Ví dụ:

- Can you help me to move this table? hoặc Can you help me move this table?  
Bạn có thể giúp tôi dời cái bàn này được không?

## B. Các động từ được theo sau bởi Object + To ...

Các động từ sau có cấu trúc **Verb + object + to ...**

tell	nói, kể	I order	ra lệnh	remind	nhắc nhở	I warn
nhắc, cảnh cáo	force	ép buộc	I invite	mời	enable	có khả năng I
persuade	thuyết phục	teach	dạy	I get (=persuade, arrange for)		
thuyết phục, nhờ						

Ví dụ:

- Can you remind me to phone Ann tomorrow? Bạn có thể nhắc tôi gọi điện cho Ann vào ngày mai được không? - Who taught you to drive? Ai đã dạy anh lái xe?  
- I didn't move the piano by myself. I got somebody to help me. Tôi đã không tự dời được chiếc piano. Tôi đã nhờ một người giúp tôi. - Jim said that the switch was dangerous and warned me not to touch it. Jim đã nói cái công tắc là không an toàn và nhắc tôi không chạm vào nó.

Trong ví dụ sau, động từ ở dạng bị động (**Passive**):

- I was warned not to touch the switch. Tôi đã được lưu ý là không chạm vào công tắc.

**Ghi chú:** Bạn không được sử dụng động từ **suggest** với cấu trúc **verb + object + to**:

- Jane suggested that I should buy a car. (KHÔNG nói 'Jane suggested me to buy') Jane đã đề nghị tôi mua một chiếc xe hơi.

Để tìm hiểu thêm về động từ **suggest**, bạn tham khảo: [Should trong tiếng Anh](#).

## C. Các động từ được theo sau bởi V + V-ing hoặc V + O + TO

advise	encourage	permit
recommend	allow	forbid

Sau các động từ này, bạn có thể sử dụng một trong hai cấu trúc sau:

- V + V-ing (không có tân ngữ)

- I wouldn't recommend staying **in** that hotel. Tôi không đề nghị ở lại khách sạn đó. - She doesn't allow smoking **in** the house. Cô ấy không cho phép hút thuốc trong nhà.

- V + O + to

- I wouldn't recommend anybody to stay **in** that hotel. Tôi không khuyên ai đến khách sạn đó. - She doesn't allow us to smoke **in** the house. Cô ấy không cho phép tôi hút thuốc trong nhà.

So sánh các ví dụ trên với cấu trúc bị động: **(be) allowed**:

- **Smoking** isn't allowed **in** the house. Hút thuốc ở trong nhà bị cấm. - **We** aren't allowed to smoke **in** the house. Chúng tôi không được phép hút thuốc trong nhà.

## D. Hai động từ make và let

Hai động từ **make** và **let** đi với cấu trúc **V + O + Infinitive** (không có **to**)

Ví dụ:

- **The** customs officer made **Sally** open her **case**. (KHÔNG nói 'to open') Các nhân viên hải quan đã buộc **Sally** mở vali của cô ấy. - **Hot** weather makes me feel tired. (causes me to feel tired) Thời tiết nóng nực làm tôi cảm thấy mệt mỏi. - **Her** parents wouldn't **let** her go **out** alone. (=wouldn't allow her to go out) Cha mẹ cô ấy sẽ không cho phép cô ấy ra khỏi nhà một mình. - **Let** me carry your bag for you. Hãy để tôi mang túi xách cho anh.

Chúng ta nói "**make somebody do ...**" (KHÔNG nói "to do"), nhưng dạng bị động là **(be) made to do ...** (có **to**).

Ví dụ:

- **Sally** was made to open her **case**. (by the customs officer) **Sally** đã bị buộc phải mở vali.